TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 447/2020/HC-PT
Ngày: 30/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 443/TLHC-PT ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Khởi kiện quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn L1, Hoàng Văn M" do có kháng cáo của ông Hoàng Văn L đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2015/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Toà án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 9409/2020/QĐXX-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1962 (mất ngày 13/4/2019 âm lịch);

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn L: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1963; anh Hoàng Văn L2, sinh năm 1984; anh Hoàng Tiến T1, sinh năm 1987; anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990. Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn H: bà Đặng Thị T. Đều có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: thôn M2, xã M1, huyện H4, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Văn L1 và ông Nguyễn Đình Q, Luật sư Công ty Luật TNHH H1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H2.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ô P - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1948; Trú tại: Số 497, đường N, tổ 9, phường N, thành phố H3, tỉnh H3; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1948; Trú tại: Thôn M2, xã M1, huyện H4, tỉnh B; có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4, tỉnh B;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T2 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4, tỉnh B; vắng mặt.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguồn gốc diện tích 360m^2 ao tại thôn M2, xã M1, huyện H4, tỉnh B là của cụ Hoàng Văn S mua của cụ Đặng Văn C vào năm 1938, thể hiện bằng Văn tự bán ao, có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Lý chưởng và Trưởng bạ. Cụ Hoàng Văn S và vợ là cụ Nguyễn Thị C1 có 10 người con, trong đó có 04 người con trai là ông Hoàng Văn C2; Hoàng Văn T3; ông Hoàng Văn K và ông Hoàng Văn M.

Ông Hoàng Văn L trình bày:

Năm 1976, cụ S chết để lại toàn bộ diện tích đất ao cho bố ông là ông Hoàng Văn T3 (cho bằng miệng và đưa cho bố ông giữ Văn tự bán ao giữa cụ S và cụ C). Từ trước đến nay diện tích ao này gia đình ông quản lý, sử dụng và có đóng thuế tại Sổ thuế địa phương năm 2007 (có xác nhận của trưởng thôn), nhưng gia đình ông không đăng ký trong sổ địa chính, không đề nghị Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Hoàng Văn M là chú ruột ông, không có thời gian nào quản lý, sử dụng diện tích đất ao này. Do đó, diện tích đất ao này thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông.

Ngày 26/3/2012, con trai ông là Hoàng Văn T1 tiến hành san lấp ao để xây dựng xưởng thì xảy ra tranh chấp với ông Hoàng Văn M và ông Hoàng Văn L1 (con trai ông Hoàng Văn C2).

Ngày 27/3/2012, ông Hoàng Văn M có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất ao, lý do: diện tích ao trên là của gia đình ông nhận kinh tế phụ, gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1988 đến nay, ông L không có quyền quản lý sử dụng.

Ngày 29/3/2012, ông Hoàng Văn L1 có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã M1, huyện H4, tỉnh B đề nghị ông M trả lại ông tiêu chuẩn chế độ liệt sỹ Hoàng Văn T4 (con trai ông Hoàng Văn C2, anh trai ông L1), với lý do: năm 1988 Hợp tác xã M2 giao diện tích ao trên theo tiêu chuẩn chế độ liệt sỹ T4 cho gia đình ông M, nhưng ông mới là người được hưởng tiêu chuẩn chế độ liệt sỹ T4.

Ngày 05/7/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M1 ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân với nội

dung: "*Đối với ông Hoàng Văn L1, được hưởng toàn bộ chế độ ưu đãi đối với gia đình liệt sỹ theo quy định của pháp luật cụ thể được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất kinh tế phụ, đất ưu tiên gia đình liệt sỹ Hoàng Văn T4 do hộ gia đình ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị S1 đã nhận và sử dụng từ thời điểm giao đất tại thôn M2. Vị trí sử dụng đất gồm 360m^2 đất ao khu cửa miếu và 72m^2 đất dâu tại xứ đồng Đỗ Trà, thôn M2".*

Không đồng ý với nội dung trên ông L và ông M khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4.

Ngày 28/02/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4 ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn M và các ông Hoàng Văn L, Hoàng Văn L1 với nội dung *"Diện tích 360m^2 đất ao hiện đang có sự tranh chấp giữa ba ông Hoàng Văn M, Hoàng Văn L1, Hoàng Văn L (bố ông Hoàng Tiến T1) nguyên là đất ao cụ Hoàng Văn S mua của ông Đặng Văn C3 từ năm 1938; do vị trí ao nằm trong khu dân cư không có nguồn nước ra vào việc sử dụng gặp nhiều khó khăn, đất thường xuyên bỏ hoang không sử dụng; từ năm 1996, gia đình ông Hoàng Văn L đã sử dụng diện tích đất này và thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất, được thể hiện trong sổ bộ thuế xã M2 lập năm 2007 và công nhận việc sử dụng đất ao trên của gia đình ông của các trưởng thôn các thời kỳ. Như vậy diện tích đất tranh chấp 360m^2 đất ao tại khu cửa miếu, thôn M2, xã M1 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Hoàng Văn L.*

Do đây là vụ việc tranh chấp đất đai nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M1 ban hành Quyết định giải quyết đơn là không đúng thẩm quyền. Do vậy hủy bỏ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/07/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M1 do đã ban hành trái thẩm quyền theo quy định tại Điều 136, Luật đất đai năm 2003.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M1 có trách nhiệm xử lý hành vi tự ý đổ cát lấp ao khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đối với ông Hoàng Tiến T1 (con trai ông L) theo đúng quy định".

Không đồng ý với giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4, ông L1 và ông M tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 18/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quyết định số 1615/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn L1 và ông Hoàng Văn M, trú tại thôn M2, xã M1, huyện H4, có nội dung: *"1. Ông Hoàng Văn L1 không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ vì đã thoát ly khỏi địa phương, đi công tác từ 1966 và định cư sống ở tỉnh H3. Nay ông L1 khiếu nại việc tranh chấp đất ao (đất nông nghiệp) ở thôn M2, xã M1 là không có cơ sở để xem xét, theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Luật Khiếu nại.*

2. Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4: Thu hồi Quyết định số

285/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn L1 và ông Hoàng Văn M, thôn M2, xã M1, huyện H4; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân *xã M1 lập hồ sơ xử lý đối với hành vi lấp ao, làm nhà trên đất ao của gia đình ông Hoàng Văn L theo quy định của pháp luật; công nhận diện tích ao đang xảy ra tranh chấp tại khu cửa miếu cho hộ ông Hoàng Văn M theo quy định của pháp luật".*

Ngày 12/4/2014, ông Hoàng Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày: Nguồn gốc đất ao đang có tranh chấp do cụ Hoàng Văn S mua năm 1938. Năm 1988 nhà nước đã quản lý diện tích đất trên và chia cho hộ gia đình theo hình thức quy đổi đất kinh tế phụ nên gia đình ông M có 08 khẩu, trong đó có khẩu của cụ S (mẹ ông M) và tiêu chuẩn của liệt sỹ T4 (anh trai ông L1, cháu ruột ông M được giao 360m^2 đất ao tại thôn M2, xã M1, huyện H4. Tại sổ thu thuế đất nông nghiệp năm 1995 thể hiện: diện tích ao trên do gia đình ông M đóng thuế là 2,6kg thóc. Gia đình ông M sử dụng ổn định từ năm 1988 đến năm 2012 thì xảy ra tranh chấp. Do đó có cơ sở xác định diện tích đất ao này là của gia đình ông M.

Ông Hoàng Văn L1 trình bày: Ông M và cụ C1 không được hưởng tiêu chuẩn chính sách liệt sỹ; ông mới là người được hưởng vì ông là em ruột của ông T4 (liệt sỹ). Ông L và ông M đều đã được Nhà nước chia đất, nên ông đề nghị được hưởng chế độ của liệt sỹ T4 đối với diện tích 360m^2 ao nói trên. Ông đề nghị Tòa án hủy Quyết định 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ông Hoàng Văn M trình bày: Nguồn gốc diện tích 360m^2 ao là của bố mẹ ông là cụ S, cụ C1 mua của cụ C. Khi còn sống các cụ ở với vợ chồng ông (cụ S chết năm 1976, cụ C1 chết năm 1991). Trước và sau khi các cụ chết ông vẫn là người quản lý, sử dụng ao. Sau đó, Nhà nước quản lý toàn bộ diện tích đất ao và giao cho hộ gia đình ông gồm 08 khẩu, trong đó có khẩu của cụ C1 và liệt sỹ T4. Năm 1995 gia đình ông nộp thuế là 2,6kg thóc thể hiện tại sổ thu thuế đất nông nghiệp thôn M2. Năm 2012, gia đình ông L san lấp ao nên xảy ra tranh chấp. Do gia đình ông khiếu nại nên Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xác định diện tích ao này của gia đình ông. Ông L, ông L1 yêu cầu hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, ông không đồng ý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2015/HC-ST ngày 17/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L, yêu cầu độc lập của ông Hoàng Văn L1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Văn L, Hoàng Văn L1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn L1, ông Hoàng Văn M.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2015, ông L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 123/2017/HC-PT ngày 09/5/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Hủy Bản hành chính sơ thẩm số 03/2015/HC-ST ngày 17/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh B. Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Ngoài ra bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 25/10/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh B có Công văn số 3690/UBND-TCD đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm với bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngày 08/10/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành quyết định số 19/2018/KN-HC kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 123/2017/HC-PT ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 20/2019/HC-GĐT ngày 26/9/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã quyết định: Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 123/2017/HC-PT ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người bị kiện giữ nguyên quan điểm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập; các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B nhưng do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký mà không có ủy quyền của Chủ tịch là trái thẩm quyền; Về trình tự thủ tục: không có biên bản hòa giải tranh chấp đất đai hợp lệ, thiếu chữ ký của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; không có sự tham gia của anh Hoàng Tiến T1 là người hiện đang sử dụng ao tranh chấp; không có căn cứ giao đất cho ông M. Nội dung của Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B không phù hợp với pháp luật và chính sách đất đai, các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện H4 và Ủy ban nhân dân tỉnh B bất nhất nhưng chưa được cấp sơ thẩm chứng minh làm rõ. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sau khi xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; phân tích, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề

nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241, Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về sự vắng mặt tại phiên tòa của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ủy quyền cho ông Lê Ô P là Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh B tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay ông Pích có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H4, tỉnh B vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[1.2]. Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn L1, ông Hoàng Văn M và các quyết định có liên quan là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Ngày 12/4/2014, ông Hoàng Văn L khởi kiện là trong thời hạn 01 năm. Toà án nhân dân tỉnh B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hiệu theo quy định tại các Điều 28, Điều 30, Điều 104 của Luật tố tụng hành chính năm 2010.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/12/2014, người có quyền lợi liên quan là ông Hoàng Văn L1 có yêu cầu độc lập đề nghị hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và giao 360m^2 đất tranh chấp cho ông. Tòa án cấp sơ thẩm đã hoãn phiên tòa và sau đó làm thủ tục thụ lý yêu cầu độc lập của ông L1 trong khi theo đơn đề nghị ngày 23/8/2014 của ông Hoàng Văn L1 thể hiện ông L1 đã nhận được Quyết định số 1615/QĐ-UBND vào ngày 18/10/2013, ngày 12/12/2014 ông L1 có yêu cầu độc lập. Đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 104 của Luật tố tụng hành chính năm 2010 là hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ để xác định thời điểm ông L1 nhận được, biết được quyết định hành chính, lý do người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy định mà đã thụ lý và giải quyết yêu cầu độc lập của ông L1 là thiếu căn cứ.

[2]. Về trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Theo quy định tại Điều 135 Luật đất đai 2003 thì tranh chấp đất đai phải được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, đồng thời quy định về thành phần tham gia hòa giải. Ủy ban nhân dân xã M1 có tổ chức hòa giải

tranh chấp trên hai lần vào các ngày 16/6/2012 và 22/6/2012. Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2012 có ghi tên ông Đào Văn V, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chủ trì hòa giải nhưng ông V không ký tên, không đóng dấu vào phần "T.M UBND". Tại buổi hòa giải ngày 22/6/2012 có ghi tên ông V nhưng cũng không đóng dấu, ký tên; các thành phần khác tham gia gồm: cán bộ địa chính xã, cán bộ tư pháp hộ tịch, không có thành phần Ủy ban mặt trận tổ quốc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh làm rõ: Ngày 16/6/2012, Ủy ban nhân dân xã M1 tiến hành hòa giải về việc tranh chấp đất đai giữa các bên đương sự. Tham gia buổi hòa giải có đầy đủ các thành phần: Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các ban ngành đoàn thể của xã. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thừa nhận có ông Đào Văn V, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chủ trì hội nghị hòa giải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp đất giữa các đương sự đã được hòa giải theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

[2.2]. Về thẩm quyền ban hành quyết định:

[2.2.1]. Theo Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được phép ký các quyết định thuộc các lĩnh vực do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phân công. Ông Lại Thanh Sơn là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công nhiệm vụ trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường nên ông Lại Thanh Sơn ký Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 là đúng thẩm quyền.

[2.2.2]. Đối chiếu với quy định khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 50 Luật đất đai 2003 thì ông Hoàng Văn L1, Hoàng Văn L, Hoàng Văn M là những người tranh chấp quyền sử dụng đối với 360m^2 đất ao, thửa 714 tờ bản đồ số 16 thôn M2, xã M1, huyện H4, tỉnh B. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện không có giấy tờ nào do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp giấy về quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn L hoặc ông Hoàng Văn L1 hay ông Hoàng Văn M; không có giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên liên quan như giữa cụ S với ông L, ông L1 hay ông M. Như vậy, tại thời điểm tranh chấp các đương sự đều không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 50 Luật đất đai 2003 và các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất cho nên Ủy ban nhân dân huyện H4, tỉnh B và Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành các quyết định về giải quyết các tranh chấp đất đai nói trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

[3]. **Về nội dung:**

[3.1]. Theo tài liệu có trong hồ sơ, diện tích 360m^2 đất ao đang tranh chấp giữa ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn L1 và ông Hoàng Văn M có nguồn gốc là đất ao cụ Hoàng Văn S (bố ông Hoàng Văn M; ông nội ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn L1) mua của cụ Đặng Văn C vào năm 1938; việc mua bán thể

hiện bằng Văn tự bán ao ngày 07/9/1938, có xác nhận của Lý chưởng và Trưởng bạ. Cụ S chết năm 1976, cụ C1 (vợ cụ S) chung sống với gia đình ông M đến năm 1991 thì chết.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã M1 và Ban quản lý thôn M2 cùng xác nhận của các ông Nguyễn Quang T, nguyên chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 1988 đến năm 2013, ông Nguyễn Đức Q1, Phó chủ nhiệm Hợp tác xã năm 1988 thể hiện: năm 1988 nhà nước đã quản lý diện tích đất trên và chia cho hộ gia đình ông M theo hình thức quy đổi đất kinh tế phụ của hộ gia đình ông M từ ngoài đồng lấy về đất ao, lúc đó tổng số nhân khẩu trong hộ ông Hoàng Văn M là 08 khẩu, trong đó có khẩu của cụ S (mẹ ông M) và tiêu chuẩn của liệt sỹ T4 (anh trai ông L1, cháu ruột ông M). Gia đình ông M được quy đổi tiêu chuẩn của khẩu được chia đất kinh tế phụ (3 thước) ngoài đồng lấy ao trong làng có diện tích khoảng 360m^2 tại thôn M2, xã M1, huyện H4. Tại sổ thu thuế đất nông nghiệp năm 1995 thể hiện diện tích ao trên do gia đình ông M đóng thuế là 2,6kg thóc. Gia đình ông M sử dụng ổn định từ năm 1988 đến năm 2012 thì xảy ra tranh chấp.

Ông Hoàng Văn L xuất trình giấy chứng nhận sử dụng đất ao có xác nhận của trưởng thôn là ông Hoàng Văn C3, ông Hoàng Văn Đ xác nhận có thuê mặt bằng ao của gia đình ông L để ngâm vào xử lý gỗ từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2012; ông Nguyễn Quang T3 là công dân thôn M2 thường xuyên chứng kiến gia đình ông L sử dụng thửa ao tranh chấp nằm đối diện nhà ông; xác nhận của ông Đỗ Xuân T6, trưởng thôn nhiệm kỳ (1996-2001) có nội dung gia đình ông L có đóng thuế đất ao diện tích 360m^2; ông Đặng Xuân T6, trưởng thôn khóa 2003-2008 thể hiện trong thời gian ông công tác gia đình ông L vẫn sử dụng và quản lý diện tích đất ao và làm nghĩa vụ với nhà nước.

Ông Hoàng Văn L1 xuất trình văn bản trích buổi họp gia tộc thống nhất chuyển giao các phần tiêu chuẩn của nhà nước ưu tiên cùng với các chế độ của Liệt sỹ Hoàng Văn T4 cho ông L1 em ruột liệt sỹ thừa hưởng và chịu trách nhiệm hương khói liệt sỹ.

[3.2]. Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương như Ủy ban nhân dân xã M1, Ủy ban nhân dân huyện H4 và Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đai đai. Cụ thể: Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M1 ban hành về việc giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân thể hiện*:* ông Hoàng Văn L1, được hưởng toàn bộ chế độ ưu đãi đối với gia đình liệt sỹ theo quy định của pháp luật cụ thể được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất kinh tế phụ, đất ưu tiên gia đình liệt sỹ Hoàng Văn T4 do hộ gia đình ông Hoàng Văn M, bà Nguyễn Thị S1 đã nhận và sử dụng từ thời điểm giao đất tại thôn M2. Vị trí sử dụng đất gồm 360m^2 đất ao khu cửa miếu và 72m^2 đất dâu tại xứ đồng Đỗ Trà, thôn M2".

Không đồng ý với nội dung trên ông L và ông M khiếu nại đến Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện H4.

Ngày 28/02/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4 ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các ông Hoàng Văn M, ông Hoàng Văn L, Hoàng Văn L1 và công nhận diện tích đất tranh chấp 360m^2 đất ao tại khu cửa miếu, thôn M2, xã M1 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Hoàng Văn L.

Không đồng ý với giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4, ông L1 và ông M tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngày 18/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại và Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4 thu hồi Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn L1 và ông Hoàng Văn M…; công nhận diện tích ao đang xảy ra tranh chấp tại khu cửa miếu cho hộ ông Hoàng Văn M theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Căn cứ tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thấy: mặc dù hộ ông Hoàng Văn M không có các quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có hồ sơ giao đất theo đúng trình tự quy định, tuy nhiên căn cứ thực tế công tác quản lý đất đai tại địa phương có cơ sở xác định có việc Hợp tác xã nông nghiệp tiến hành giao ruộng đất cho hộ gia đình, cá nhân ở các thôn trên địa bàn trong đó có hộ ông Hoàng Văn M được giao diện tích ao đang tranh chấp theo hình thức quy đổi đất kinh tế phụ của hộ gia đình phù hợp với xác nhận của các ông Nguyễn Quang T5, nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã từ năm 1988 đến năm 2013, ông Nguyễn Đức Q1, Phó chủ nhiệm Hợp tác xã năm 1988.

[3.3.1]. Tuy nhiên sau khi được giao ao theo hình thức quy đổi đất kinh tế phụ của hộ gia đình ông M từ ngoài đồng về, gia đình ông M có sử dụng đất ao đó không? Sử dụng vào mục đích gì? Lý do từ khi nhận ao đến thời điểm phát sinh tranh chấp gia đình ông M không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền? Ngoài tài liệu chứng minh việc nộp thuế đất nông nghiệp năm 1995 thì những năm sau đó đến thời điểm Nhà nước miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, hộ gia đình ông M có nộp thuế diện tích đất trên không?

Quá trình xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 123/2017/HC-PT ngày 09/5/2017, tại Văn bản số 138/CV-VIII Tòa án nhân dân tối cao đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cùng các cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương cung cấp các chứng cứ, tài liệu chứng minh về quá trình sử dụng đất, người trực tiếp sử dụng đất đang tranh chấp nêu trên. Tuy nhiên nội dung trên chưa được thu thập và cung cấp bổ sung. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhiều lần triệu tập nhưng người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H4 đều vắng mặt và không cung cấp bổ sung

thêm tài liệu chứng cứ mới.

[3.3.2]. Theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 thì đất nông nghiệp cũng được coi là tài sản thừa kế như các loại tài sản khác; khoản 3 Điều 103 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai quy định hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp chỉ không được chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất chuyên trồng lúa nước không hạn chế về quyền được thừa kế đất nông nghiệp.

Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn L1 xuất trình văn bản trích nội dung buổi họp gia tộc thống nhất chuyển giao các phần tiêu chuẩn của nhà nước ưu tiên cùng với các chế độ của Liệt sỹ Hoàng Văn T4 cho ông L1 (là em ruột liệt sỹ) thừa hưởng và chịu trách nhiệm hương khói liệt sỹ; ông L1 đề nghị các cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương xem xét quyền lợi của thân nhân liệt sỹ theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ số nhân khẩu trong hộ ông Hoàng Văn M có mặt tại thời điểm được quy đổi đất kinh tế phụ. Theo ông T5, ông Q1 cung cấp là 08 khẩu, ngoài khẩu của cụ S (mẹ ông M) và tiêu chuẩn của liệt sỹ T4 (anh trai ông L1, cháu ruột ông M) thì các thành viên trong hộ khác gồm những người nào? Tiêu chuẩn đất hương khói của Liệt sỹ T4 được giao bao nhiêu m^2? Vị trí đất được giao có nằm trong diện tích ao quy đổi đang có tranh chấp không? Để xem xét việc Ủy ban nhân dân tỉnh B công nhận toàn bộ diện tích ao đang tranh chấp cho ông Hoàng Văn M đã đảm bảo quyền lợi của người thừa kế của liệt sỹ Hoàng Văn T4 chưa?

[3.3.3]. Nội dung xác nhận của ông Đỗ Xuân T6, trưởng thôn nhiệm kỳ 1996-2001 ông Đặng Xuân T6, trưởng thôn nhiệm kỳ 2003-2008 cũng như sổ bộ thuế nhà đất xã M1 lập năm 2007 thể hiện gia đình ông L có nộp thuế diện tích 360m^2; Hoàng Văn Đ xác nhận có thuê mặt bằng ao của gia đình ông L để ngâm vào xử lý gỗ từ tháng 02/2011 đến tháng 02/2012; ông Nguyễn Quang T3 là công dân thôn M2 xác nhận thường xuyên chứng kiến gia đình ông L sử dụng thửa ao tranh chấp. Những nội dung trên mâu thuẫn với nội dung Báo cáo số 170/BC-TNMT ngày 26/7/2013 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh B nhưng chưa được thu thập chứng cứ để làm rõ: Có việc gia đình ông L sử dụng đất ao tranh chấp không? Thời gian sử dụng? Việc nộp thuế diện tích 360m^2 là diện tích đất nào, có phải đất ao tranh chấp không?

Mặt khác, năm 2012 gia đình ông Hoàng Văn L bơm cát vào ao sau đó anh Hoàng Tiến T1 (con ông L) đã xây dựng nhà và theo anh Thành trình bày hiện vợ chồng anh và 03 con ở trên đất. Do đó cần thu thập chứng cứ để làm rõ nội dung trên, nếu có thì cần đưa những người hiện đang ở trên đất tranh chấp vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Những mâu thuẫn trong lời khai của các bên đương sự cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu

cầu của người khởi kiện là ông Hoàng Văn L, yêu cầu độc lập của ông Hoàng Văn L1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Văn L, Hoàng Văn L1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn L1, ông Hoàng Văn M là chưa đủ căn cứ.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng cũng như trong việc thu thập chứng cứ mà những vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện.

[4]. **Về án phí:**

Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người khởi kiện kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 253 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2015/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Toà án nhân dân tỉnh B và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Hoàn trả lại những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn L do bà Đặng Thị T đại diện số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông L đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 000313 ngày 01/7/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà